| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** |

Bản án số: 394/2018/DS-ST
Ngày: 29/6/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Vũ Thị Hiệp.

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Xuân Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh*: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy.

Trong ngày 29/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 64/2017/TLST-DS ngày 31/3/2017 về việc "Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2018/QĐXXST-DS ngày 12/4/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2018/QĐST-HPT ngày 11/5/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Trụ sở: 442 N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1971 – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Ông Trần Khánh Tr – Chức vụ: Nhân viên.

(Theo giấy ủy quyền số 13/2018/UQ ngày 04/01/2018)

Địa chỉ liên lạc: Lầu 8, tòa nhà A, 444A-446 C, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Phạm Minh H, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: 27/14 (số cũ 401/14) V, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Tr có mặt; ông H vắng mặt không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2017; Các Bản tự khai vào ngày 11/5/2017, 16/01/2018, 11/5/201, 29/6/2018 và Biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải- người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 14/6/2011, ông Phạm Minh H ký kết với Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng A) các văn bản đề nghị cấp thẻ tín dụng, gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 4111166010920; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng A và các văn bản khác về việc sử dụng thẻ tín dụng. Trên cơ sở đó, ngày 15/6/2011 Ngân hàng A đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 4791 3852 2901 7532 cho ông Phạm Minh H với hạn mức thẻ là 30.000.000 đồng, hiệu lực thẻ là 36 tháng. Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn được quy định trong Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng A.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Phạm Minh H không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng A theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 12/9/2012, Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 29/6/2018, ông Phạm Minh H còn nợ Ngân hàng A các khoản sau:

- Vốn: 28.430.176 đồng;

- Lãi quá hạn: 66.714.790 đồng.

Tổng cộng: 95.114.966 đồng.

Khoản nợ nêu trên không có tài sản bảo đảm.

Ngân hàng A yêu cầu ông Phạm Minh H trả ngay cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu (gồm vốn và lãi quá hạn) tạm tính đến ngày 29/6/2018 là 95.114.966 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng A và các văn bản khác về việc sử dụng thẻ tín dụng đã ký nêu trên kể từ ngày 30/6/2018 cho đến ngày trả dứt nợ. Ông Phạm Minh H phải trả nợ theo thứ tự sau: vốn gốc, lãi quá hạn.

Ngoài ra Ngân hàng A không có bất kỳ yêu cầu nào khác.

*- Bị đơn: Phạm Minh H vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án.*

** Tại phiên tòa:*

*- Đại diện ủy quyền của Ngân hàng A– ông Trần Khánh Trung trình bày:*

Nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, không yêu cầu thay đổi, bổ sung gì thêm cụ thể:

+ Yêu cầu ông Phạm Minh H thanh toán số tiền nợ thẻ tín dụng: Vốn: 28.430.176 đồng; Lãi quá hạn: 66.714.790 đồng (tạm tính đến hết ngày 29/6/2018). Tổng cộng: 95.114.966 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 30/6/2018 cho đến khi thực tế thu hồi xong khoản nợ.

+ Yêu cầu ông Phạm Minh H phải thanh toán theo thứ tự: Vốn gốc, lãi quá hạn.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của Ngân hàng A đã xuất trình bản Sao Kê giao dịch Account; Bảng tính chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng của ông Phạm Minh H.

Ngoài ra phía Ngân hàng A không còn bất kỳ yêu cầu nào khác.

*Bị đơn*: Phạm Minh H vắng mặt tại phiên tòa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

-Về tố tụng: Thẩm phán và thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật;

-Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Hội đồng xét xử nhận định:

*[Về tố tụng*:

- Thẩm quyền loại việc:

Ông Phạm Minh H ký kết hợp đồng mở thẻ tín dụng để tiêu dùng cá nhân. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc tranh chấp dân sự- Hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về Thẩm quyền lãnh thổ:

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 12 Quận 6 về đương sự Phạm Minh H như sau: "Ông Phạm Minh H có hộ khẩu thường trú tại 27/14 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện không có mặt tại địa phương, đã bỏ đi từ năm 2013 không rõ địa chỉ". Xét, Ngân hàng A có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự với ông Phạm Minh H thuộc khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Phạm Minh H đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Phạm Minh H là đúng với quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hiệu khởi kiện vụ án:

Thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng dân sự được xác định là 03 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm theo quy định tại Điều 429, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Hợp đồng tín dụng ký kết ngày 14/6/2011, thời hạn thẻ 36 tháng, tức là đến 14/6/2014. Tính đến thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 31/3/2017 là đã hết thời hiệu khởi kiện.

Tuy nhiên, đối với hợp đồng tín dụng thì kể từ khi bên vi phạm vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì toàn bộ số nợ được chuyển sang nợ quá hạn và tính lãi suất theo nợ quá hạn cho đến khi bên vay tất toán các khoản nợ.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án thì các bên không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định " Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc.

Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ".

Phía bị đơn Phạm Minh H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các lần lấy lời khai, thông báo hòa giải và công khai chứng cứ, thông báo kết quả công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông H vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 6 tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo trình tự luật định.]

*[Về nội dung:*

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn là Ngân hàng A cung cấp thể hiện: Ngày 14/6/2011, ông Phạm Minh H ký kết với Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng A) các văn bản đề nghị cấp thẻ tín dụng, gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 4111166010920; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng A và các văn bản khác về việc sử dụng thẻ tín dụng. Trên cơ sở đó, ngày 15/6/2011 Ngân hàng A đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 4791 3852 2901 7532 cho ông Phạm Minh H với hạn mức thẻ là 30.000.000 đồng, hiệu lực thẻ là 36 tháng. Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn được quy định trong Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng A.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày 21/6/2011 đến ngày 03/7/2012 ông Phạm Minh H đã thực hiện 12 lần giao dịch với tổng số tiền là 33.800.000 đồng, đến ngày 12/9/2012 ông H chỉ thanh toán được số tiền vốn gốc là 370.000 đồng, sau đó không thanh toán đúng hạn theo thông báo của Ngân hàng, nên ngày 12/9/2012 Ngân hàng đã chuyển số nợ của ông H còn thiếu là

33.430.000 đồng sang nợ quá hạn. Sau khi bị chuyển sang nợ quá hạn thì ông H thanh toán thêm 5.000.000 đồng và được trừ vào nợ gốc.

Như vậy, từ ngày 21/6/2011 đến ngày 28/02/2013, ông H đã thanh toán được tổng số tiền 18.267.791 đồng. Theo thỏa thuận thì số tiền ông Phạm Minh H đã đóng được thanh toán theo thứ tự: phí: 1.720.000 đồng; lãi: 9.922.575 đồng; lãi chậm trả: 1.255.392 đồng và gốc: 5.369.824 đồng.

Tính đến ngày 29/6/2018, ông Phạm Minh H còn nợ Ngân hàng A các khoản sau:

- Vốn gốc: 28.430.176 đồng;

- Lãi quá hạn (từ ngày 12/9/2012 đến 30/6/2018): 66.714.790 đồng.

Tổng cộng: 95.114.966 đồng.

Khoản nợ nêu trên không có tài sản bảo đảm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông Phạm Minh H vi phạm cam kết trả nợ theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng A nên Ngân hàng A yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Minh H phải thanh toán toàn bộ khoản nợ: 95.114.966 đồng như đã tính chi tiết ở phần trên (tạm tính đến hết ngày 29/6/2018) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn cho đến khi thực trả xong khoản nợ là có cơ sở chấp nhận.

Ông Phạm Minh H phải thanh toán theo thứ tự: Vốn gốc, lãi quá hạn.

Phương thức thanh toán: Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 30/6/2018, ông Phạm Minh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng A và các văn bản khác về việc sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. (*Theo nội dung án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao*).

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Minh H có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.755.748 đồng, theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 429, 471, 474, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Căn cứ án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng A. Cụ thể:

1/ Buộc ông Phạm Minh H phải thanh toán cho Ngân hàng A các khoản:

-Nợ gốc: 28.430.176 đồng.

-Nợ lãi quá hạn (tạm tính từ 12/9/2012 đến ngày 29/6/2018): 66.714.790 đồng.

Tổng cộng: 95.114.966 đồng.

Kể từ ngày 30/6/2018, ông Phạm Minh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng A và các văn bản khác về việc sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán ngay sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A buộc ông Phạm Minh H thanh toán tiền nợ theo thứ tự: Nợ gốc, nợ lãi quá hạn.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 4.755.748 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 1.982.550 đồng theo biên lai thu số 0004475 ngày 31/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
-Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (1);
-Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 (2);
-Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
-Các đương sự (8);
-Lưu VP (3), HSVA (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tú**